| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỒNG DÂN**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28/7/2020
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Kiệt**

*- Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lại Thiện Phong;**

2. **Ông Danh On.**

***- Thư ký phiên tòa:*** **Ông Từ Văn Nhứt** - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:*** Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST–HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST–HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 14/02/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08/01/2011. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh, chị chung sống với nhau hạnh

phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng ba tháng. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Nguyễn Văn M có hai đứa con chung cháu tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2015 hiện tại các cháu sống chung với chị T. Nay chị T yêu cầu nuôi hai con, không có yêu cầu anh Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của anh M để lấy lời khai nhưng anh M vắng mặt. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của anh M xác định: Anh Nguyễn Văn M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại anh M vắng mặt nơi cư trú, khi bỏ đi thì không có trình báo hay xin vắng mặt. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay anh M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M;

Về quan hệ con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Văn M cư trú tại ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08 tháng 01 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị T và anh M có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn gia đình của chị T và anh Nguyễn Văn M làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M không thực hiện được. Mặc dù hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[4] Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M có hai đứa con chung, các cháu tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2015. Cháu N và cháu T hiện sống cùng với chị Nguyễn Thị T, nay chị T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"...Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*, tại bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2020 (bút lục số 31) cháu Nguyễn Thị Thanh N có nguyện vọng sống cùng với chị Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu N, cũng như để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu N và cháu T, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ.

[7] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M;

[2] Về con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2011 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

[3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết;

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Do chị Nguyễn Thị T đã dự nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002942, ngày14 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Kiệt**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.